

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022 - 2023**  
**TẠI CÁC TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI; MẦM NON VÀNG ANH; THCS THỊ TRẦN ĐẮK MÂM**  
(Kèm theo Kết luận số /KL-TTr ngày /8/2024 của Thanh tra huyện Krông Nô)

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
<b>I. Trường Mầm non Hoa Mai</b>			
<b>1. Tổng kinh phí được sử dụng trong năm</b>	<b>3.374.031.000</b>	<b>3.742.621.000</b>	
<b>1.1. Kinh phí năm trước chuyển sang</b>	<b>0</b>	<b>21.481.000</b>	
Lương và các khoản theo lương	0	3.400.000	
Định mức chi thường xuyên	0	18.081.000	
<b>1.2. Dự toán được giao đầu năm</b>	<b>3.341.134.000</b>	<b>3.567.109.000</b>	Dự toán giao đầu năm theo quyết định số 146/QĐ-PGD&ĐT ngày 27/12/2021 V/v giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Dự toán giao đầu năm theo quyết định số 131/QĐ-PGD&ĐT ngày 21/12/2022 V/v giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023
Lương và các khoản theo lương	2.896.103.000	3.064.681.000	
Cải cách tiền lương	0	48.000.000	
Định mức chi thường xuyên	341.831.000	355.148.000	
Nguồn không tự chủ ( Mua sắm)	50.000.000	0	
Kinh phí NĐ 81	10.000.000	27.000.000	
Kinh phí NĐ105	43.200.000	72.280.000	
Kinh phí NQ11	0		
<b>1.3. Kinh phí điều chỉnh bổ sung trong năm</b>	<b>32.897.000</b>	<b>154.031.000</b>	
Lương và các khoản theo lương	35.882.000		
Lương và các khoản theo lương		-9.053.000	Điều chỉnh theo QĐ số 97/QĐ-GD&ĐT ngày 30/10/2023 V/v điều chỉnh và bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2023; QĐ số 3191/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 V/v thu hồi, bổ sung kinh phí tiền lương và chi thường xuyên năm 2023
Cải cách tiền lương		221.710.000	Điều chỉnh theo QĐ số 87/QĐ-GD&ĐT ngày 25/09/2023 V/v bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 ( đợt 1)
Định mức chi thường xuyên		-30.456.000	Thu hồi, điều chỉnh theo QĐ số 906/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 V/v thu hồi, điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2023 ( Kinh phí chi thường xuyên trong định mức)
Nguồn không tự chủ ( Mua sắm)	0	0	

Kinh phí NĐ 81	1.175.000		Điều chỉnh theo QĐ số 64/QĐ-GD&ĐT ngày 03/06/2022 V/v điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2022; QĐ số 101/QĐ-GD&ĐT ngày 28/10/2022 V/v điều chỉnh và bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2022.
Kinh phí NĐ 81		-21.450.000	Điều chỉnh theo QĐ số 104/QĐ-GD&ĐT ngày 10/11/2023 V/v điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023; QĐ số 3202/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 V/v thu hồi kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm 2023
Kinh phí NĐ105	-4.160.000		Điều chỉnh theo QĐ QĐ số 101/QĐ-GD&ĐT ngày 28/10/2022 V/v điều chỉnh và bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2022.
Kinh phí NĐ105		-28.120.000	Điều chỉnh theo QĐ số 3202/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 V/v thu hồi kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm 2023
Kinh phí NQ11		21.400.000	Điều chỉnh theo QĐ số 83/QĐ-GD&ĐT ngày 30/08/2023 V/v bổ sung KP thực hiện chính sách hỗ trợ theo NQ11/2022/NQ-HĐND học kỳ II năm học 2022-2023 ; QĐ số 103/QĐ-GD&ĐT ngày 10/11/2023 V/v bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo NQ11/2022/NQ-HĐND học kỳ I năm học 2023-2024
<b>2. Tổng chi trong năm</b>	<b>3.345.126.000</b>	<b>3.742.621.000</b>	
Lương và các khoản theo lương	2.928.585.000	3.059.028.000	
Cải cách tiền lương	0	269.710.000	
Định mức chi thường xuyên	323.750.000	342.773.000	
Nguồn không tự chủ ( Mua sắm)	47.136.000	0	
Kinh phí NĐ 81	11.175.000	5.550.000	
Kinh phí NĐ105	34.480.000	44.160.000	
Kinh phí NQ11	0	21.400.000	
<b>3. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán</b>	<b>3.345.126.000</b>	<b>3.742.621.000</b>	
<b>3.1. Số được chấp nhận quyết toán</b>	<b>3.325.116.000</b>	<b>3.742.621.000</b>	QT theo Thông báo số 01/TB-GD&ĐT ngày 19/04/2023 V/v xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường MN Hoa Mai; thông báo số 01/TB-GD&ĐT ngày 19/04/2024 V/v xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường MN Hoa Mai
Lương và các khoản theo lương	2.928.585.000	3.059.028.000	
Cải cách tiền lương	0	269.710.000	
Định mức chi thường xuyên	303.740.000	342.773.000	
Nguồn không tự chủ ( Mua sắm)	47.136.000	0	
Kinh phí NĐ 81	11.175.000	5.550.000	
Kinh phí NĐ105	34.480.000	44.160.000	
Kinh phí NQ11	0	21.400.000	
<b>3.2. Số kinh phí bị xuất toán</b>	<b>20.010.000</b>	<b>0</b>	Nộp trả theo Thông báo số 01/TB-GD&ĐT ngày 19/04/2023 V/v xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường MN Hoa Mai; Công văn số 664/PGD&ĐT-KT về việc thu hồi tiền xuất toán
Công tác phí năm 2022	20.010.000	0	

<b>4. Kinh phí giảm trong năm (Dự toán bị hủy)</b>	<b>7.424.000</b>		<i>Dự toán đương nhiên hủy</i>
Nguồn không tự chủ ( Mua sắm)	2.864.000		<i>Cấp tiền làm nhà xe nhưng làm dư số tiền</i>
Kinh phí NĐ105	4.560.000		<i>Cấp kinh phí từ đầu năm nhưng do số đối tượng không đủ điều kiện chi</i>
<b>5. Kinh phí được phép chuyển nguồn sang năm sau sử dụng</b>	<b>21.481.000</b>		<i>Chuyển nguồn do nguồn 13 dư đương nhiên được chuyển nguồn</i>
Lương và các khoản theo lương	3.400.000		<i>Dư lương do đơn vị theo dõi nhầm nguồn chi thường xuyên (chi tiền khoán văn phòng phẩm)</i>
Định mức chi thường xuyên	18.081.000		<i>Dư chi thường xuyên do đơn vị trừ 60% chi thường xuyên của thu học phí để cấp trên trừ nhưng cấp trên không trừ</i>
<b>II. Trường Mầm non Vàng Anh</b>			
<b>1. Tổng kinh phí được sử dụng trong năm</b>	<b>4.351.043.000</b>	<b>4.682.019.146</b>	
<b>1.1. Kinh phí năm trước chuyển sang</b>	<b>0</b>	<b>3.171.146</b>	
Lương và các khoản theo lương	0	3.171.146	
<b>1.2. Dự toán được giao trong năm</b>	<b>4.541.134.000</b>	<b>4.479.395.000</b>	
Lương và các khoản theo lương	3.818.087.000	3.615.862.000	
Cải cách tiền lương	0	62.000.000	
Định mức chi thường xuyên	461.247.000	458.733.000	Căn cứ vào Quyết định số 146/ QĐ-GD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Krông Nô về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Căn cứ theo quyết định số 131/QĐ-PGD&ĐT ngày 21/12/2022 V/v giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023
Nguồn không tự chủ ( Chi mua sắm, sửa chữa)	64.000.000	35.000.000	
Kinh phí thực hiện theo NĐ 81	25.000.000	135.000.000	
Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo NĐ105	172.800.000	172.800.000	
Kinh phí thực hiện theo NQ11	0		
<b>1.3.Điều chỉnh, bổ sung trong năm</b>	<b>-190.091.000</b>	<b>199.453.000</b>	
Lương và các khoản theo lương	-247.441.000		Căn cứ vào Quyết định số 101/ QĐ-GD&ĐT ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Krông Nô về việc điều chỉnh và bổ sung kinh phí nhiệm vụ phát sinh năm 2022;
Lương và các khoản theo lương		18.563.000	Điều chỉnh theo QĐ số 97/QĐ-GD&ĐT ngày 30/10/2023 V/v điều chỉnh và bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2023;/QĐ số 3191/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 V/v thu hồi, bổ sung kinh phí tiền lương và chi thường xuyên năm 2023; Căn cứ vào Quyết định số 3191/ QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Krông Nô Về việc thu hồi, bổ sung kinh phí tiền lương và chi thường xuyên năm 2023;
Cải cách tiền lương		253.406.000	Căn cứ vào Quyết định số 87/ QĐ-GD&ĐT ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Krông Nô Về việc bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 ( đợt 1);
Định mức chi thường xuyên		-22.397.000	Căn cứ vào Quyết định số 906/ QĐ-UBND ngày 5 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Krông Nô về việc thu hồi, điều chỉnh ngân sách năm 2023 của các cơ quan, đơn vị;
Nguồn không tự chủ ( Mua sắm)		-2.400.000	Căn cứ vào Quyết định số 104/ QĐ-GD&ĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Krông Nô Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023;

Kinh phí thực hiện NĐ 81	57.350.000	-31.800.000	Căn cứ vào Quyết định số 64/ QĐ-GD&ĐT ngày 03 tháng 06 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Krông Nô về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022; Điều chỉnh theo QĐ số 101/QĐ-GD&ĐT ngày 28/10/2022 V/v điều chỉnh và bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2022; Căn cứ vào Quyết định số 104/ QĐ-GD&ĐT ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Krông Nô Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023; Căn cứ vào Quyết định số 3202/ QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Krông Nô về việc kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm 2023; Căn cứ vào Quyết định số 383/ QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Krông Nô Về việc thu hồi kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm 2023;
Kinh phí thực hiện NĐ105		-33.919.000	Căn cứ vào Quyết định số 3202/ QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Krông Nô về việc kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm 2023; Căn cứ vào Quyết định số 383/ QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Krông Nô Về việc thu hồi kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm 2023;
Kinh phí thực hiện NQ11		18.000.000	Điều chỉnh theo QĐ số 83/QĐ-GD&ĐT ngày 30/08/2023 V/v bổ sung KP thực hiện chính sách hỗ trợ theo NQ11/2022/NQ-HĐND học kỳ II năm học 2022-2023 ; QĐ số 103/QĐ-GD&ĐT ngày 10/11/2023 V/v bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ theo NQ11/2022/NQ-HĐND học kỳ I năm học 2023-2024
<b>2. Tổng chỉ trong năm</b>	<b>4.271.543.854</b>	<b>4.669.397.341</b>	
Lương và các khoản theo lương	3.567.474.854	3.626.516.867	
Cải cách tiền lương	0	313.864.474	
Định mức chi thường xuyên	461.247.000	436.336.000	
Nguồn không tự chủ ( Chi mua sắm, sửa chữa)	63.872.000	32.600.000	
Kinh phí thực hiện theo NĐ 81	75.750.000	103.200.000	
Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo NĐ105	103.200.000	138.880.000	
Kinh phí thực hiện theo NQ11	0	18.000.000	
<b>3. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán</b>	<b>4.271.543.854</b>	<b>4.669.397.341</b>	#REF!
3.1. Số được chấp nhận quyết toán	<b>4.244.879.854</b>	<b>4.669.397.341</b>	QT theo Thông báo số 02/TB-GD&ĐT ngày 19/04/2023 V/v xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường MN Vàng Anh; thông báo số 02/TB-GD&ĐT ngày 19/04/2024 V/v xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2023 của Trường MN Vàng Anh
Lương và các khoản theo lương	3.567.474.854	3.626.516.867	
Cải cách tiền lương	0	313.864.474	
Định mức chi thường xuyên	434.583.000	436.336.000	
Nguồn không tự chủ ( Chi mua sắm, sửa chữa)	63.872.000	32.600.000	
Kinh phí thực hiện theo NĐ 81	75.750.000	103.200.000	
Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo NĐ105	103.200.000	138.880.000	
Kinh phí thực hiện theo NQ11	0	18.000.000	
3.2. Số kinh phí bị xuất toán	<b>26.664.000</b>	<b>0</b>	

Công tác phí năm 2022	26.664.000	0	Nộp trả theo Thông báo số 02/TB-GD&ĐT ngày 19/04/2023 V/v xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường MN Vàng Anh; Công văn số 664/PGD&ĐT-KT về việc thu hồi tiền xuất toán
<b>4. Kinh phí giảm trong năm (Dự toán bị hủy)</b>	<b>76.328.000</b>		
Nguồn không tự chủ ( Chi mua sắm, sửa chữa)	128.000		Không còn nhiệm vụ chi
Kinh phí thực hiện theo ND 81	6.600.000		Không còn nhiệm vụ chi
Kinh phí hỗ trợ ăn trưa theo ND105	69.600.000		Không còn nhiệm vụ chi
<b>5. Kinh phí được phép chuyển nguồn sang năm sau sử dụng</b>	<b>3.171.146</b>	<b>12.621.805</b>	
Lương và các khoản theo lương (nguồn 13)	3.171.146	12.621.805	Chuyển sang năm sau sử dụng
<b>III. Trường THCS Thị trấn Đăk Mâm</b>			
<b>1. Tổng kinh phí được sử dụng trong năm</b>	<b>7.086.508.000</b>	<b>7.705.047.457</b>	
<b>1.1. Kinh phí năm trước chuyển sang</b>	<b>0</b>	<b>16.593.493</b>	
Quỹ lương	0	16.593.493	
Chi thường xuyên theo định mức	0	0	
<b>1.2. Dự toán được giao trong năm</b>	<b>6.830.280.000</b>	<b>7.410.589.000</b>	
Quỹ lương	5.917.529.000	6.081.098.000	<i>QĐ số 146/QĐ-PGD&amp;ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2021 V/V giao dự toán ngân sách năm 2022 (kèm theo QĐ công bố công khai số 01/QĐ-THCSĐM ngày 6 tháng 1 năm 2022 và phụ biểu số 02)</i>
Chi thường xuyên theo định mức	538.856.000	623.509.000	
Kinh phí thực hiện nghị định 81/2021	25.000.000	305.000.000	
Kinh phí thực hiện nghị quyết 31/2016	0	0	
Kinh phí thực hiện nghị định 116/2016	112.644.000	246.744.000	
Kinh phí sửa chữa cổng, tường rào	200.000.000	0	<i>QĐ số 131/QĐ-PGD&amp;ĐT ngày 21 tháng 12 năm 2022 V/V giao dự toán ngân sách năm 2023 (kèm theo QĐ công bố công khai số 01/QĐ-THCSĐM ngày 6 tháng 1 năm 2023 và phụ biểu số 02)</i>
Kinh phí trang bị tài khoản tập huấn	17.000.000	17.000.000	
Phụ cấp ngoài trời	19.251.000	18.238.000	
Kinh phí mua bộ loa, âm li		35.000.000	
Kinh phí cải cách tiền lương		84.000.000	
<b>1.3 Điều chỉnh kinh phí trong năm</b>	<b>256.228.000</b>	<b>277.864.964</b>	
Bổ sung kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo nghị quyết 31/2016	15.950.000		<i>QĐ số 64/QĐ-GD&amp;ĐT ngày 03 tháng 6 năm 2022 (kèm theo QĐ công bố công khai số 03/QĐ-THCSĐM ngày 8 tháng 6 năm 2022) và QĐ số 101/QĐ-PGD&amp;ĐT ngày 28 tháng 10 năm 2022 V/V điều chỉnh bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2022 (kèm theo QĐ công bố công khai số 17b/QĐ-THCSĐM ngày 31 tháng 10 năm 2022 và phụ biểu số 02)</i>
Bổ sung kinh phí nâng lương trước hạn	23.539.000		
Bổ sung kinh phí chênh lệch của giáo viên thăng hạng	237.000		
Giảm kinh phí do giáo viên chuyển đi	-32.275.000		

Bổ sung kinh phí thực hiện nghị định 81/2021	241.625.000		
Bổ sung kinh phí thực hiện nghị định 116/2016	7.152.000		
Giảm kinh phí tiền lương	-8.499.000		
Thu hồi chi thường xuyên theo định mức		-79.380.000	QĐ số 906/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2023 V/V thu hồi, điều chỉnh dự toán ngân sách 2023 (kèm theo QĐ công bố công khai số 27/QĐ-THCSĐM ngày 7 tháng 4 năm 2023 và phụ biểu số 02)
Thu hồi kinh phí thực hiện nghị định 81/2021		-25.850.000	QĐ số 3202/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 V/V thu hồi kinh phí thực hiện chính sách (kèm theo QĐ công bố công khai số 09/QĐ-THCSĐM ngày 16 tháng 11 năm 2023 và phụ biểu số 02)
Thu hồi, bổ sung kinh phí tiền lương		-136.482.000	QĐ số 3191/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 V/V thu hồi kinh phí thực hiện chính sách (kèm theo QĐ công bố công khai số 09/QĐ-THCSĐM ngày 16 tháng 11 năm 2023 và phụ biểu số 02)
Điều chỉnh bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh		-126.145.000	QĐ số 97/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2023 V/V điều chỉnh bổ sung kinh phí (kèm theo QĐ công bố công khai số 09/QĐ-THCSĐM ngày 16 tháng 11 năm 2023 và phụ biểu số 02)
Thu hồi bổ sung kinh phí cải cách tiền lương		-5.582.000	QĐ số 3196/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2023 V/V thu hồi bổ sung kinh phí cải cách tiền lương (kèm theo QĐ công bố công khai số 09/QĐ-THCSĐM ngày 16 tháng 11 năm 2023 và phụ biểu số 02)
Bổ sung KP hỗ trợ giáo viên tham gia học bồi dưỡng chuyên môn		43.640.000	QĐ số 111/QĐ-PGD&ĐT ngày 14 tháng 11 năm 2023 V/V bổ sung dự toán chi NS 2023 (kèm theo QĐ công bố công khai số 09/QĐ-THCSĐM ngày 16 tháng 11 năm 2023 và phụ biểu số 02)
Bổ sung kinh phí tinh giản biên chế		218.066.964	QĐ số 145/QĐ-PGD&ĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 V/V bổ sung KP tinh giản biên chế (kèm theo QĐ công bố công khai số 09/QĐ-THCSĐM ngày 16 tháng 11 năm 2023 và phụ biểu số 02)
Bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		389.597.000	QĐ số 87/QĐ-PGD&ĐT ngày 25 tháng 09 năm 2023 V/V bổ sung KP thực hiện cải cách tiền lương (kèm theo QĐ công bố công khai số 77/QĐ-THCSĐM ngày 26 tháng 09 năm 2023 và phụ biểu số 02)
<b>2. Tổng chi trong năm</b>	<b>7.042.357.007</b>	<b>7.672.162.147</b>	
Quỹ lương	5.892.436.507	6.501.097.400	
Chi thường xuyên theo định mức	538.856.000	536.344.583	
Kinh phí thực hiện nghị định 81/2021	252.750.000	189.150.000	
Kinh phí thực hiện nghị quyết 31/2016	15.950.000	0	
Kinh phí thực hiện nghị định 116/2016	118.604.000	111.840.000	
Kinh phí sửa chữa công, tường rào	189.710.000	0	
Kinh phí trang bị tài khoản tập huấn	15.500.000	17.000.000	
Phụ cấp ngoài trời	18.550.500	20.023.200	
Kinh phí mua bộ loa, âm li		35.000.000	
Kinh phí tinh giảm theo nghị định 108		218.066.964	
Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng giáo viên		43.640.000	
<b>3. Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán</b>			

<b>3.1. Số được chấp nhận quyết toán</b>	<b>7.042.357.007</b>	<b>7.672.162.147</b>	
Quỹ lương	5.892.436.507	6.501.097.400	
Chi thường xuyên theo định mức	538.856.000	536.344.583	
Kinh phí thực hiện nghị định 81/2021	252.750.000	189.150.000	
Kinh phí thực hiện nghị quyết 31/2016	15.950.000	0	
Kinh phí thực hiện nghị định 116/2016	118.604.000	111.840.000	
Kinh phí sửa chữa công, tường rào	189.710.000	0	
Kinh phí trang bị tài khoản tập huấn	15.500.000	17.000.000	
Phụ cấp ngoài trời	18.550.500	20.023.200	
Kinh phí mua bộ loa, âm li		35.000.000	
Kinh phí tinh giảm theo nghị định 108		218.066.964	
Hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng giáo viên		43.640.000	
<b>3.2. Số kinh phí bị xuất toán</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>4. Kinh phí giảm trong năm (Dự toán bị hủy)</b>	<b>27.557.500</b>	<b>11.295.800</b>	
Kinh phí thực hiện nghị định 81/2021	13.875.000	10.000.000	
Kinh phí thực hiện nghị định 116/2016	1.192.000		Do học sinh nghỉ học
Kinh phí sửa chữa công, tường rào	10.290.000		
Phụ cấp ngoài trời	700.500	1.295.800	Do giảm số lớp so với dự toán
Kinh phí trang bị tài khoản tập huấn	1.500.000		Do giáo viên đi biệt phái
<b>5. Kinh phí được phép chuyển nguồn sang năm sau sử dụng</b>	<b>16.593.493</b>	<b>21.589.510</b>	
Quỹ lương	16.593.493	13.805.093	Thay đổi chức vụ tổ khối, lương từ nguồn cải cách tiền lương dư vì giáo viên nghỉ hưu trước tuổi
Chi thường xuyên theo định mức	0	7.784.417	Chưa hoàn thành hồ sơ kịp thời

**TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CHI KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỦ TỤC, CHI SAI QUY ĐỊNH CỦA CÁC TRƯỜNG HỌC  
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP NĂM 2022, 2023 VÀ CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM HỌC 2021-2022; 2022-2023**

(Kèm theo Kết luận số /KL-TTr ngày /8/2024 của Thanh tra huyện Krông Nô)

DVT: Đồng

TT	Chứng từ		Nội dung chi	Người nhận tiền	Số tiền thanh toán	Số tiền sai phạm	Nguyên nhân	Ghi chú
	Số	Ngày, tháng						
A	Trường Mầm non Hoa Mai				37.519.079	36.342.279		
I	<b>PHẦN NGÂN SÁCH</b>				18.427.600	17.250.800		
a	<b>Ngân sách năm 2022</b>				9.756.600	8.579.800		
1	64	22/7/2022	Chuyển tiền in băng rôn, maket chào mừng ngày 30/4, 1/5; lễ tổng kết, lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi theo hóa đơn số 22 ngày 15/7/2022	Lương Thị Sửu - Y tế (Người đề nghị thanh toán)	2.227.500	2.227.500	- Chứng từ không có báo giá hàng hóa của ít nhất 03 đơn vị cung cấp hàng hóa; - Maket lễ tổng kết và lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi không có quy cách.	
2	76	09/9/2022	Chuyển tiền mua hoa tươi ngày khai giảng theo hóa đơn số 154 ngày 07/9/2022	Lương Thị Sửu - Y tế (Người đề nghị thanh toán)	1.596.800	420.000	Căn cứ 03 bảng báo giá của 03 đơn vị cung ứng mặt hàng, bà Lương Thị Sửu không chọn mua hàng hóa của đơn vị báo giá thấp nhất mà chọn mua hàng hóa của đơn vị báo giá cao hơn (Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Định báo giá mặt hàng số tiền 1.600.000đ; Hộ kinh doanh Nguyễn Quốc Cường báo giá mặt hàng số tiền 1.180.000đ), chênh lệch 420.000đ.	
3	77	12/9/2022	Chuyển tiền mua ghế xoay lớn cho phòng Hiệu trưởng theo hóa đơn số 00000118 ngày 09/9/2022	Trần Thị Toại - Phó Hiệu trưởng (Người đề nghị thanh toán)	1.846.300	1.846.300	- Hóa đơn không thể hiện nhãn hiệu, quy cách sản phẩm	
4	24	21/7/2022	Chuyển tiền mua thùng rác theo hóa đơn số 00000136 ngày 19/7/2022	Trần Thị Toại - Phó Hiệu trưởng (Người đề nghị thanh toán)	4.086.000	4.086.000	- Không có hợp đồng, biên bản bàn giao, tiếp nhận hàng hóa; hóa đơn bán hàng không thể hiện quy cách	
b	<b>Ngân sách năm 2023</b>				1.147.000	1.147.000		
5	85	10/10/2023	Chi tiền nước uống hội nghị cán bộ công nhân viên chức	Lương Thị Sửu Lê Thị Thu Nguyệt	1.147.000	1.147.000	Không có danh sách tham dự hội nghị, không có biên bản hội nghị	
c	<b>Phụ cấp ưu phụ cấp khu vực</b>				7.524.000	7.524.000		
7			Chi trả phụ cấp khu vực giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2023	Đinh Thị Nga	7.524.000	7.524.000	Bà Đinh Thị Nga - Nhân viên y tế học đường tại trường Mầm non Hoa Mai trong thời gian công tác tại phòng Y tế huyện theo quy định được hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,5 nhưng nhà trường chi trả theo hệ số phụ cấp khu vực 0,7 (chênh lệch tăng 0,2)	



<b>PHAN CAC QUY NGOAI NGAN SACH</b>				<b>19.091.479</b>	<b>19.091.479</b>			
<b>a</b>	<b>Quỹ tiền điện sử dụng quạt phục vụ cho công tác bán trú</b>			<b>2.159.479</b>	<b>2.159.479</b>			
8	01		Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 4/2022	132.000	132.000	Mục đích quỹ dùng để chi trả tiền điện sử dụng quạt phục vụ cho công tác bán trú theo quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh nhưng nhà trường sử dụng quỹ để chi trả tiền dịch vụ internet, chi trả tiền điện trong kỳ nghỉ hè là chưa đúng mục đích thu của quỹ		
9	03		Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 5/2022	151.066	151.066			
10	04		Chi trả tiền điện tháng 6/2022	694.303	694.303			
11	05		Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 6/2022	132.000	132.000			
12	06		Chi trả tiền điện tháng 7/2022	336.631	336.631			
13	07		Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 7/2022	132.000	132.000			
14	08		Chi trả tiền điện tháng 8/2022	449.479	449.479			
15	01		Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 8/2022	132.000	132.000			
<b>b</b>	<b>Quỹ tiền nước uống tại lớp</b>			<b>4.632.000</b>	<b>4.632.000</b>			
16	01	24/05/2022	Chi tiền mua nước uống năm học 2021-2022	Lương Thị Sưu	4.632.000	4.632.000	Chứng từ chi không có hóa đơn thuế giá trị gia tăng.	
<b>c</b>	<b>Quỹ tiền dọn vệ sinh điểm trường trung tâm</b>			<b>6.900.000</b>	<b>6.900.000</b>			
17	02		Chi trả tiền dọn vệ sinh sân trường, chăm sóc cây cảnh	6.900.000	6.900.000	Mục đích quỹ dùng để chi trả tiền thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh theo quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh nhưng nhà trường sử dụng quỹ để chi trả tiền dọn vệ sinh sân trường, chăm sóc cây cảnh là chi chưa đúng mục đích thu của quỹ		
<b>d</b>	<b>Quỹ tiền dọn vệ sinh điểm trường Đắk Thành</b>			<b>5.400.000</b>	<b>5.400.000</b>			
18	02		Chi trả tiền dọn vệ sinh sân trường, chăm sóc cây cảnh	5.400.000	5.400.000	Mục đích quỹ dùng để chi trả tiền thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh theo quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh nhưng nhà trường sử dụng quỹ để chi trả tiền dọn vệ sinh sân trường, chăm sóc cây cảnh là chi chưa đúng mục đích thu của quỹ		
<b>B</b>	<b>Trường Mầm non Vàng Anh</b>			<b>44.352.124</b>	<b>42.552.124</b>			
<b>I</b>	<b>PHẦN NGÂN SÁCH</b>			<b>9.185.000</b>	<b>7.385.000</b>			
<b>a</b>	<b>Ngân sách năm 2022</b>			<b>4.385.000</b>	<b>4.385.000</b>			
1	16	24/02/2022	Chuyển tiền mua vật tư văn phòng (giấy vệ sinh, chổi, khăn lau bàn, xô đựng nước, thảm lau chân...) theo hóa đơn số 0075873 ngày 15/02/2022	Lò Thị Thanh (người đề nghị thanh toán)	4.385.000	4.385.000	Chứng từ không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng hàng hóa	
<b>b</b>	<b>Ngân sách năm 2023</b>			<b>4.800.000</b>	<b>3.000.000</b>			

2	147		Mua bánh kẹo tọa đàm ngày 20/11/2023	Nguyễn Thụy Phương Thanh Nguyễn Thị Hoa	4.800.000	3.000.000	Chúng tôi không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng hàng hóa, không có kế hoạch tổ chức hội nghị, không có biên bản họp, định mức tiền nước hội nghị cao hơn quy định: 45 suất x 40.000 đồng = 1.800.000 đồng. Chênh lệch cao hơn 3.000.000 đồng
<b>II</b>	<b>PHẦN CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH</b>				<b>35.167.124</b>	<b>35.167.124</b>	
<b>a</b>	<b>Quỹ tiền nước uống tại lớp</b>				<b>29.836.000</b>	<b>29.836.000</b>	
5	2	30/5/2022	Chi tiền đổi nước cho học sinh tháng 11/2021+ tháng 2 + tháng 3+ tháng 4 + tháng 5/2022	Lò Thị Thanh (người đề nghị thanh toán)	8.866.000	8.866.000	- Không có hóa đơn giá trị gia tăng
6	2	31/10/2022	Chi tiền đổi nước tháng 9,10/2022	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	8.220.000	8.220.000	
7	14	31/01/2023	Chi tiền đổi nước tháng 01/2023	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	2.340.000	2.340.000	
8	21	28/02/2023	Chi tiền đổi nước tháng 02/2024	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	2.340.000	2.340.000	
9	25	31/03/2023	Chi tiền đổi nước tháng 3/2024	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	2.625.000	2.625.000	
10	29	28/04/2023	Chi tiền đổi nước tháng 4/2024	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	3.030.000	3.030.000	
11	34	25/05/2323	Chi tiền đổi nước tháng 5/2024	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	2.415.000	2.415.000	
<b>b</b>	<b>Quỹ tiền điện sử dụng quạt phục vụ cho công tác bán trú</b>				<b>1.423.604</b>	<b>1.423.604</b>	
2	36	20/06/2023	Chi trả tiền điện thấp sáng tháng 06		1.423.604	1.423.604	Mục đích quỹ dùng để chi trả tiền điện sử dụng quạt phục vụ cho công tác bán trú theo quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh nhưng nhà trường sử dụng quỹ để chi trả tiền điện trong kỳ nghỉ hè là chưa đúng nhiệm vụ chi
<b>c</b>	<b>Quỹ tài trợ, đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh</b>				<b>3.907.520</b>	<b>3.907.520</b>	
12	09	03/6/2022	Chi tiền mua hoa giấy tặng quà lưu niệm cho các trường tiểu học các cháu đã tham quan năm học 2021 - 2022	Vi Thị Duân (người đề nghị thanh toán)	1.237.520	1.237.520	- Nội dung chi không đúng mục đích sử dụng, đối tượng thụ hưởng theo kế hoạch vận động tài trợ, đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh (Kế hoạch số 02/KH-VA ngày 15/02/2022); - Không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng.
14	12	03/6/2022	Chi tiền mua bàn gấp và thảm ngồi hoạt động tại ngôi nhà trí tuệ năm học 2021 - 2022	Vi Thị Duân (người đề nghị thanh toán)	2.670.000	2.670.000	- Chúng tôi không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng hàng hóa; - Không thể hiện chủng loại, quy cách hàng hóa.
<b>C</b>	<b>Trường THCS Thị trấn Đắk Mâm</b>					<b>39.498.400</b>	
<b>I</b>	<b>PHẦN NGÂN SÁCH</b>				<b>49.536.400</b>	<b>39.498.400</b>	
<b>a</b>	<b>Ngân sách năm 2022</b>				<b>4.986.400</b>	<b>4.986.400</b>	

1	136	19/12/2022	Chuyển trả tiền mua nọp mực máy in, nạp mực máy in, hộp mực máy photocopy và thay thế linh kiện theo hóa đơn số 95 ngày 8/12/2022	Lê Thị Hà (người đề nghị thanh toán)	3.190.000	3.190.000	- Không có giấy báo hỏng, không có biên bản kiểm tra kỹ thuật, không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng
3	122	22/11/2022	Chuyển trả tiền mua máy quét mã vạch dùng cho thư viện	Trịnh Huy Liêm (người đề nghị thanh toán)	1.796.400	1.796.400	- Không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng - Hóa đơn, danh sách ký nhận không thể hiện tên hãng sản phẩm
<b>b</b>	<b>Ngân sách năm 2023</b>				<b>5.049.000</b>	<b>5.049.000</b>	
5	22	28/02/2023	Chuyển trả tiền mua trà, nước uống	Lê Thị Hà (người đề nghị thanh toán)	5.049.000	5.049.000	- Không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng
<b>c</b>	<b>Phụ cấp ưu đãi nghề</b>				<b>39.501.000</b>	<b>29.463.000</b>	
6			Chi trả phụ cấp ưu đãi nghề đối với giáo viên tin học giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2023	Trương Công Vĩnh	39.501.000	29.463.000	Ông Trương Công Vĩnh - Giáo viên tin học tại trường THCS Thị trấn Đắc Mâm được UBND huyện ban hành quyết định biệt phái đến Văn phòng HĐND&UBND huyện công tác, không trực tiếp giảng dạy, vị trí công tác không được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập nhưng nhà trường vẫn chi trả chế độ hưởng phụ cấp ưu đãi nghề

**BIỂU TỔNG HỢP CÔNG TÁC THU, CHI CÁC NGUỒN NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM HỌC 2021-2022 VÀ NĂM HỌC 2022-2023**

(Kèm theo Kết luận số /KL-TTr ngày /8/2024, của Thanh tra huyện Krông Nô)

TT	Tên các loại quỹ	Tồn năm trước chuyển sang	Tổng thu	Tổng chi	Tồn quỹ chuyển năm sau	Ghi chú
<b>A</b>	<b>TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI</b>					
<b>I</b>	<b>Năm học 2021-2022:</b> (Tổng số học sinh: 188 học sinh. Mức thu: 336.000đ/học sinh đối với học sinh mới khối Chồi, Mầm, Nhà trẻ ở trung tâm; 236.000đ/học sinh đối với học sinh cũ khối Chồi, Mầm, Nhà trẻ ở trung tâm; 326.000đ/học sinh đối với học sinh mới khối Chồi, Mầm, Nhà trẻ ở Đắk Thành; 226.000đ/học sinh đối với học sinh cũ khối Chồi, Mầm, Nhà trẻ ở Đắk Thành; 242.000đ/ học sinh đối với học sinh khối Lá ở Trung Tâm; 232.000đ/ học sinh đối với học sinh khối Lá ở Đắk thành ,chưa tính tiền học phí); số học sinh không thu được: 0 học sinh; có 188 học sinh nộp đạt 100% (đối với học sinh điểm Đắk Thành giảm 10.000 đồng so với học sinh điểm trung tâm)	<b>2.220.000</b>	<b>47.577.000</b>	<b>48.120.517</b>	<b>1.676.483</b>	
<b>1</b>	<b>Quỹ Dụng cụ bán trú (Tổng số học sinh: 188 học sinh, mức thu: 200.000đ /học sinh/năm đối với học sinh mới nhập học lớp Chồi, Mầm, Nhà trẻ; 100.000đ/ học sinh/năm đối với học sinh lớp Lá và học sinh cũ (chưa tính tiền học phí); số học sinh không thu được: 0 học sinh; có 188 học sinh nộp đạt 100%</b>	<b>0</b>	<b>22.800.000</b>	<b>22.800.000</b>	<b>0</b>	
1.1	Tồn năm trước chuyển sang	0				
1.2	Tổng thu trong năm ( 200.000đ/học sinh x 42 học sinh) + ( 100.000 đ/học sinh x 142 học sinh) + ( 50.000 đ/học sinh x 4 học sinh)		22.800.000			
1.3	Tổng chi quỹ trong năm. Cụ thể:			22.800.000		
	Chi tiền mua phiếu thu tiền ăn, bảo mẫu, cấp dưỡng theo phiếu chi số PC01DCBT			198.000		
	Chi tiền mua xăng thơm lau bảng theo phiếu chi số PC02DCBT			160.000		
	Chi tiền mua đồ dùng bán trú theo phiếu chi số PC03DCBT			735.000		
	Chi tiền mua đồ dùng bán trú theo phiếu chi số PC04DCBT			465.000		
	Chi tiền xét nghiệm nước theo phiếu chi số PC05DCBT			1.290.000		
	Chi tiền mua phiếu thu tiền ăn, bảo mẫu, cấp dưỡng, đồ dùng bán trú theo phiếu chi số PC06DCBT			759.000		
	Chi tiền mua đèn UV khử trùng nước theo phiếu chi số 25W PC07DCBT			3.564.000		
	Chi tiền công ốp gạch khu vực sơ chế bếp theo phiếu chi số PC08DCBT			600.000		
	Chi tiền sửa nồi cơm ga, mua bếp khô, chiếu theo phiếu chi số PC09DCBT			15.029.000		
1.4	Điều chuyển KP sang năm sau				0	
1.5	Tồn quỹ chuyển năm sau				0	
<b>2</b>	<b>Quỹ Tiền điện (Tổng số học sinh: 188 học sinh, mức thu: 30.000đ /học sinh/năm (5.000đ/tháng) (chưa tính tiền học phí); số học sinh không thu được: 0 học sinh; có 188 học sinh nộp đạt 100% . Lưu ý: Vì học sinh học thực 6 tháng nên nhà trường thu 6 tháng.</b>	<b>0</b>	<b>5.565.000</b>	<b>3.888.517</b>	<b>1.676.483</b>	
2.1	Tồn năm trước chuyển sang	0				
2.2	Tổng thu trong năm ( 30.000đ/học sinh x 183 học sinh) + ( 15.000 đ/học sinh x 5 học sinh)		5.565.000			
2.3	Tổng chi quỹ trong năm. Cụ thể:			3.888.517		
	Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 4/2022 theo phiếu chi số PC01TD			132.000		
	Chi trả tiền điện tháng 5 theo phiếu chi số PC02TD			1.861.038		
	Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 5/2022 theo phiếu chi số PC03TD			151.066		
	Chi trả tiền điện tháng 6 theo phiếu chi số PC04TD			694.303		
	Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 6/2022 theo phiếu chi số PC05TD			132.000		
	Chi trả tiền điện tháng 7 theo phiếu chi số PC06TD			336.631		
	Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 7/2022 theo phiếu chi số PC07TD			132.000		
	Chi trả tiền điện tháng 8 theo phiếu chi số PC08TD			449.479		
2.4	Điều chuyển KP sang năm sau				0	
2.5	Tồn quỹ chuyển năm sau				1.676.483	

3	<b>Quỹ Tiên nước uống học sinh: Tổng số học sinh: 188 học sinh, mức thu: 42.000đ /học sinh/năm (7.000đ/tháng) đối với học sinh lớp Lá; 36.000đ /học sinh (6.000đ/tháng) đối với học sinh lớp Chồi, Mầm, Nhà trẻ (chưa tính tiền học phí); số học sinh không thu được: 0 học sinh; có 188 học sinh nộp đạt 100% . Lưu ý: Vì học sinh học thực 6 tháng nên nhà trường thu 6 tháng.</b>	0	7.107.000	7.107.000	0
3.1	Tồn năm trước chuyển sang	0			
3.2	Tổng thu trong năm ( 42.000đ/học sinh x 70 học sinh) + ( 36.000 đ/học sinh x 113 học sinh)+( 21.000 đ/học sinh x 3 học sinh)+( 18.000 đ/học sinh x 2 học sinh)		7.107.000		
3.3	Tổng chi quỹ trong năm . Cụ thể:			7.107.000	
	Chi tiền mua nước uống năm học 2021-2022 theo phiếu chi số PC01NU			4.632.000	
	Chi tiền nước uống còn dư cho các lớp liên hoan theo phiếu chi số PC02NU			2.475.000	
3.4	Điều chuyển KP sang năm sau				0
3.5	Tồn quỹ chuyển năm sau				0
4	<b>Quỹ Vệ sinh điểm Trung tâm (Tổng số học sinh: 100 học sinh, mức thu: 70.000đ /học sinh/năm.(chưa tính tiền học phí); số học sinh không thu được: 0 học sinh; có 100 học sinh nộp đạt 100% .</b>	1.125.000	6.825.000	7.950.000	0
4.1	Tồn năm trước chuyển sang	1.125.000			
4.2	Tổng thu trong năm ( 70.000đ/học sinh x 95 học sinh) + ( 35.000 đ/học sinh x 5 học sinh)		6.825.000		
4.3	Tổng chi quỹ trong năm . Cụ thể:			7.950.000	
	Chi trả tiền thu gom rác quý 4/2021, quý 1/2022 theo phiếu chi số PC01VSTT			600.000	
	Chi trả tiền dọn vệ sinh sân trường, chăm sóc cây cảnh theo phiếu chi số PC02VSTT			6.900.000	
	Chi trả tiền thu gom rác quý 2/2022 theo phiếu chi số PC03VSTT			300.000	
	Chi tiền mua chổi, xúc rác theo phiếu chi số PC04VSTT			150.000	
4.4	Điều chuyển KP sang năm sau				0
4.5	Tồn quỹ chuyển năm sau				0
5	<b>Quỹ Vệ sinh điểm Đắk Thành : Tổng số học sinh: 88 học sinh, mức thu: 60.000đ /học sinh/năm.(chưa tính tiền học phí); số học sinh không thu được: 0 học sinh; có 88 học sinh nộp đạt 100% .</b>	1.095.000	5.280.000	6.375.000	0
5.1	Tồn năm trước chuyển sang	1.095.000			
5.2	Tổng thu trong năm ( 60.000đ/học sinh x 88 học sinh)		5.280.000		
5.3	Tổng chi quỹ trong năm . Cụ thể:			6.375.000	
	Chi trả tiền thu gom rác quý 4/2021, quý 1/2022 theo phiếu chi số PC01VSĐT			300.000	
	Chi trả tiền dọn vệ sinh sân trường, chăm sóc cây cảnh theo phiếu chi số PC02VSTT			5.400.000	
	Chi trả tiền thu gom rác quý 2/2022 theo phiếu chi số PC03VSĐT			150.000	
	Mua chổi và xúc rác theo phiếu chi số PC04VSĐT			150.000	
	Trả tiền xịt thuốc khử khuẩn theo phiếu chi số PC05VSĐT			375.000	
5.4	Điều chuyển KP sang năm sau				0
5.5	Tồn quỹ chuyển năm sau				0
6	<b>Quỹ thiết bị đồ dùng (tài trợ, vận động đóng góp tự nguyện)</b>	0	27.825.000	27.825.000	0
6.1	Tồn năm trước chuyển sang	0			
6.2	Tổng thu trong năm ( 150.000đ/học sinh x 183 học sinh) + ( 75.000 đ/học sinh x 5 học sinh)		27.825.000		
6.3	Tổng chi quỹ trong năm . Cụ thể:			27.825.000	
-	Chi tiền đồ 4 xe đất làm mặt bằng 2 hồ cát theo phiếu chi số PC01TB			1.400.000	
-	Chi tiền mua 2 lót rác inox theo phiếu chi số PC02TB			185.000	
-	Chi tiền mua cát, gạch ống theo phiếu chi số PC03TB			5.670.000	
-	Chi tiền mua xi măng theo phiếu chi số PC04TB			5.950.000	
-	Chi tiền công xây bức tường hồ cát khu vui chơi mới ở trung tâm và công đồ bê tông 2 hồ cát cũ theo phiếu chi số PC05TB			6.400.000	
-	Chi tiền mua xăng để sơn đồ chơi theo phiếu chi số PC06TB			1.140.000	
-	Chi tiền công sơn công, các cánh cửa nhà bếp, sơn sửa đồ chơi và giá khăn các lớp điểm trung tâm theo phiếu chi số PC07TB			4.380.000	
-	Chi tiền công sơn lan can 2 dãy phòng học, lớp xe, sơn sửa đồ chơi và giá khăn các lớp điểm Đắk Thành theo phiếu chi số PC08TB			2.700.000	
6.4	Điều chuyển KP sang năm sau				
6.5	Tồn quỹ chuyển năm sau				

<b>II</b>	<b>Năm học 2022-2023</b> (Tổng số học sinh: 225 , mức thu: 308.000 đ/học sinh đối với học sinh mới nhập học, 208.000 đ/học sinh cũ, chưa tính tiền học phí); không thu được: 1 học sinh; có 224 học sinh nộp đạt 99,5%.	<b>1.676.483</b>	<b>56.527.000</b>	<b>58.203.483</b>	<b>0</b>	
<b>1</b>	<b>Quỹ Dụng cụ bán trú</b> (Tổng số học sinh: 225 học sinh, mức thu: 200.000đ /học sinh/năm đối với học sinh mới nhập học; 100.000đ/ học sinh/năm đối với học sinh cũ (chưa tính tiền học phí); số học sinh không thu được: 01 học sinh; có 224 học sinh nộp đạt 99,5%	<b>0</b>	<b>32.500.000</b>	<b>32.500.000</b>	<b>0</b>	
1.1	Tồn năm trước chuyển sang	0				
1.2	Tổng thu trong năm ( 200.000đ/học sinh x 101 học sinh) + ( 100.000 đ/học sinh x 123 học sinh)		32.500.000			
1.3	Tổng chi quỹ trong năm. Cụ thể:			32.500.000		
	Chi tiền kiểm nghiệm nước theo phiếu chỉ số PC01DCBT			1.290.000		
	Chi tiền mua đồ dùng bán trú theo phiếu chỉ số PC02DCBT			9.645.000		
	Chuyển trả tiền mua tủ hấp cơm 8 khay inox theo UNC số 01DCBT			19.500.000		
	Chuyển trả tiền mua đồ dùng bán trú theo UNC số 02DCBT			2.065.000		
1.4	Điều chuyển KP sang năm sau				0	
1.5	Tồn quỹ chuyển năm sau				0	
<b>2</b>	<b>Quỹ Tiền điện</b> (Tổng số học sinh: 225 học sinh, mức thu: 45.000đ /học sinh/năm (5.000đ/tháng) (chưa tính tiền học phí); số học sinh không thu được: 01 học sinh; có 224 học sinh nộp đạt 99,5% .	<b>1.676.483</b>	<b>10.011.000</b>	<b>11.687.483</b>	<b>0</b>	
2.1	Tồn năm trước chuyển sang	1.676.483				
2.2	Tổng thu trong năm ( 45.000đ/học sinh x 221 học sinh) + ( 22.000 đ/học sinh x 3 học sinh)		10.011.000			
2.3	Tổng chi quỹ trong năm . Cụ thể:			11.687.483		
	Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 8/2022 theo phiếu chỉ số PC01TĐ			132.000		
	Chi trả tiền điện tháng 9/2022 theo phiếu chỉ số PC02TĐ			1.544.483		
	Chi trả tiền điện tháng 10/2022 theo phiếu chỉ số PC03TĐ			1.715.674		
	Chuyển trả tiền điện tháng 02/2023 theo UNC số 01TĐ			2.723.444		
	Chuyển trả tiền điện tháng 11/2022 theo UNC số 02TĐ			2.499.873		
	Chuyển trả tiền điện tháng 12/2022+4/2023 theo UNC số 03TĐ			3.072.009		
2.4	Điều chuyển KP sang năm sau				0	
2.5	Tồn quỹ chuyển năm sau				0	
<b>3</b>	<b>Quỹ Tiền nước uống học sinh</b> (Tổng số học sinh: 225 học sinh, mức thu: 63.000đ /học sinh/năm (7.000đ/tháng) (chưa tính tiền học phí); số học sinh không thu được: 01 học sinh; có 224 học sinh nộp đạt 99,5% .	<b>0</b>	<b>14.016.000</b>	<b>14.016.000</b>	<b>0</b>	
3.1	Tồn năm trước chuyển sang	0				
3.2	Tổng thu trong năm ( 63.000đ/học sinh x 221 học sinh) + ( 31.000 đ/học sinh x 3 học sinh)		14.016.000			
3.3	Tổng chi quỹ trong năm			14.016.000		
	Chuyển trả tiền nước từ 9/8/2022 đến 15/02/2023 theo UNC số 01NU			7.565.000		
	Chuyển trả tiền nước uống từ 27/02/2023 theo UNC số 02NU			6.451.000		
3.4	Điều chuyển KP sang năm sau				0	
3.5	Tồn quỹ chuyển năm sau				0	

**TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CHI CHƯA ĐẢM BẢO VỀ THỦ TỤC CỦA CÁC TRƯỜNG HỌC TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP NĂM 2022, 2023 VÀ CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM HỌC 2021-2022; 2022-2023 KIẾN NGHỊ RÚT KINH NGHIỆM**

(Kèm theo Kết luận số /KL-TTr ngày /8/2024, của Thanh tra huyện Krông Nô)

DVT: Đồng

TT	Chứng từ		Nội dung chi	Người nhận tiền	Số tiền thanh toán	Số tiền sai phạm	Nguyên nhân	Ghi chú
	Số	Ngày, tháng						
<b>A</b>	<b>Trường Mầm non Hoa Mai</b>				<b>26.238.800</b>	<b>26.238.800</b>		
<b>I</b>	<b>PHẦN NGÂN SÁCH</b>				<b>9.306.800</b>	<b>9.306.800</b>		
<b>a</b>	<b>Ngân sách năm 2022</b>				<b>8.159.800</b>	<b>8.159.800</b>		
1	64	22/7/2022	Chuyển tiền in băng rôn, maket chào mừng ngày 30/4, 1/5; lễ tổng kết, lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi theo hóa đơn số 22 ngày 15/7/2022	Lương Thị Sứ - Y tế (Người đề nghị thanh toán)	2.227.500	2.227.500	- Chứng từ không có báo giá hàng hóa của ít nhất 03 đơn vị cung cấp hàng hóa; - Maket lễ tổng kết và lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi không có quy cách.	
2	77	12/9/2022	Chuyển tiền mua ghế xoay lớn cho phòng Hiệu trưởng theo hóa đơn số 00000118 ngày 09/9/2022	Trần Thị Toại - Phó Hiệu trưởng (Người đề nghị thanh toán)	1.846.300	1.846.300	- Hóa đơn không thể hiện nhãn hiệu, quy cách sản phẩm	
3	24	21/7/2022	Chuyển tiền mua thùng rác theo hóa đơn số 00000136 ngày 19/7/2022	Trần Thị Toại - Phó Hiệu trưởng (Người đề nghị thanh toán)	4.086.000	4.086.000	- Không có hợp đồng, biên bản bàn giao, tiếp nhận hàng hóa; hóa đơn bán hàng không thể hiện quy cách	
<b>b</b>	<b>Ngân sách năm 2023</b>				<b>1.147.000</b>	<b>1.147.000</b>		
4	85	10/10/2023	Chi tiền nước uống hội nghị cán bộ công nhân viên chức	Lương Thị Sứ Lê Thị Thu Nguyệt	1.147.000	1.147.000	Không có danh sách tham dự hội nghị, không có biên bản hội nghị	
<b>II</b>	<b>PHẦN QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH</b>				<b>16.932.000</b>	<b>16.932.000</b>		
<b>a</b>	<b>Quỹ tiền dọn vệ sinh điểm trường trung tâm</b>				<b>6.900.000</b>	<b>6.900.000</b>		
6	02		Chi trả tiền dọn vệ sinh sân trường, chăm sóc cây cảnh		6.900.000	6.900.000	Mục đích quỹ dùng để chi trả tiền thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh theo quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh nhưng nhà trường sử dụng quỹ để chi trả tiền dọn vệ sinh sân trường, chăm sóc cây cảnh là chi chưa đúng mục đích thu của quỹ	
<b>b</b>	<b>Quỹ tiền dọn vệ sinh điểm trường Đắk Thành</b>				<b>5.400.000</b>	<b>5.400.000</b>		

7	02		Chi trả tiền dọn vệ sinh sân trường, chăm sóc cây cảnh		5.400.000	5.400.000	Mục đích quỹ dùng để chi trả tiền thuê người dọn khu vực nhà vệ sinh dành cho học sinh theo quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh nhưng nhà trường sử dụng quỹ để chi trả tiền dọn vệ sinh sân trường, chăm sóc cây cảnh là chi chưa đúng mục đích thu của quỹ	
<b>c</b>	<b>Quỹ tiền nước uống</b>				<b>4.632.000</b>	<b>4.632.000</b>		
8	01	24/05/2022	Chi tiền mua nước uống năm học 2021-2022	Lương Thị Sửu	4.632.000	4.632.000	Chứng từ chi không có hóa đơn thuế giá trị gia tăng.	
<b>B</b>	<b>Trường Mầm non Vàng Anh</b>				<b>36.891.000</b>	<b>36.891.000</b>		
<b>I</b>	<b>PHẦN NGÂN SÁCH</b>				<b>4.385.000</b>	<b>4.385.000</b>		
<b>a</b>	<b>Ngân sách năm 2022</b>				<b>4.385.000</b>	<b>4.385.000</b>		
1	16	24/02/2022	Chuyển tiền mua vật tư văn phòng (giấy vệ sinh, chổi, khăn lau bàn, xô đựng nước, thảm lau chân...) theo hóa đơn số 0075873 ngày 15/02/2022	Lò Thị Thanh (người đề nghị thanh toán)	4.385.000	4.385.000	Chứng từ không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng hàng hóa	
<b>II</b>	<b>PHẦN QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH</b>				<b>32.506.000</b>	<b>32.506.000</b>		
<b>a</b>	<b>Quỹ tiền nước uống tại lớp</b>				<b>29.836.000</b>	<b>29.836.000</b>		
4	2	30/5/2022	Chi tiền đổi nước cho học sinh tháng 11/2021+ tháng 2 + tháng 3+ tháng 4 + tháng 5/2022	Lò Thị Thanh (người đề nghị thanh toán)	8.866.000	8.866.000	- Không có hóa đơn giá trị gia tăng.	
5	2	31/10/2022	Chi tiền đổi nước tháng 9,10/2022	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	8.220.000	8.220.000		
6	14	31/01/2023	Chi tiền đổi nước tháng 01/2023	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	2.340.000	2.340.000		
7	21	28/02/2023	Chi tiền đổi nước tháng 02/2024	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	2.340.000	2.340.000		
8	25	31/03/2023	Chi tiền đổi nước tháng 3/2024	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	2.625.000	2.625.000		
9	29	28/04/2023	Chi tiền đổi nước tháng 4/2024	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	3.030.000	3.030.000		
10	34	25/05/2323	Chi tiền đổi nước tháng 5/2024	Lò Thị Thanh Nguyễn Thị Hoa	2.415.000	2.415.000		
<b>b</b>	<b>Quỹ tài trợ, đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh</b>				<b>2.670.000</b>	<b>2.670.000</b>		
12	12	03/6/2022	Chi tiền mua bàn gấp và thảm ngồi hoạt động tại ngôi nhà trí tuệ năm học 2021 - 2022	Vi Thị Duân (người đề nghị thanh toán)	2.670.000	2.670.000		- Chứng từ không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng hàng hóa; - Không thể hiện chủng loại, quy cách hàng hóa.
<b>C</b>	<b>Trường THCS Thị trấn Đắk Mâm</b>				<b>6.845.400</b>	<b>6.845.400</b>		
<b>I</b>	<b>PHẦN NGÂN SÁCH</b>				<b>6.845.400</b>	<b>6.845.400</b>		
<b>a</b>	<b>Ngân sách năm 2022</b>				<b>1.796.400</b>	<b>1.796.400</b>		



2	122	22/11/2022	Chuyển trả tiền mua máy quét mã vạch dùng cho thư viện	Trịnh Huy Liêm (người đề nghị thanh toán)	1.796.400	1.796.400	- Không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng - Hóa đơn, danh sách ký nhận không thể hiện tên hãng sản phẩm	
<b>b</b>	<b>Ngân sách năm 2023</b>				<b>5.049.000</b>	<b>5.049.000</b>		
3	22	28/02/2023	Chuyển trả tiền mua trà, nước uống	Lê Thị Hà (người đề nghị thanh toán)	5.049.000	5.049.000	- Không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng	
			<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>69.975.200</b>	<b>69.975.200</b>		

**TỔNG HỢP CHỨNG TỪ CHI KHÔNG ĐẢM BẢO VỀ THỦ TỤC, CHI SAI QUY ĐỊNH CỦA CÁC TRƯỜNG HỌC TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP NĂM 2022, 2023 VÀ CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH NĂM HỌC 2021-2022; 2022-2023, ĐỀ NGHỊ THU HỒI**

(Kèm theo Kết luận số /KL-TTr ngày /8/2024, của Thanh tra huyện Krông Nô)

TT	Chứng từ		Nội dung chi	Người nhận tiền	Số tiền thanh toán	Số tiền sai phạm	Nguyên nhân	Ghi chú
	Số	Ngày, tháng						
<b>A</b>	<b>Trường Mầm non Hoa Mai</b>				<b>11.280.279</b>	<b>10.103.479</b>		
<b>I</b>	<b>PHẦN NGÂN SÁCH</b>				<b>9.120.800</b>	<b>7.944.000</b>		
<b>a</b>	<b>Ngân sách năm 2022</b>				<b>1.596.800</b>	<b>420.000</b>		
1	76	09/9/2022	Chuyển tiền mua hoa tươi ngày khai giảng theo hóa đơn số 154 ngày 07/9/2022	Lương Thị Sửu - Y tế (Người đề nghị thanh toán)	1.596.800	420.000	Căn cứ 03 bảng báo giá của 03 đơn vị cung ứng mặt hàng, bà Lương Thị Sửu không chọn mua hàng hóa của đơn vị báo giá thấp nhất mà chọn mua hàng hóa của đơn vị báo giá cao hơn (Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Định báo giá mặt hàng số tiền 1.600.000đ; Hộ kinh doanh Nguyễn Quốc Cường báo giá mặt hàng số tiền 1.180.000đ), chênh lệch 420.000đ.	
<b>b</b>	<b>Phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp khu vực</b>				<b>7.524.000</b>	<b>7.524.000</b>		
2			Chi trả phụ cấp khu vực giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2023	Đinh Thị Nga	7.524.000	7.524.000	Bà Đinh Thị Nga - Nhân viên y tế học đường tại trường Mầm non Hoa Mai trong thời gian công tác tại phòng Y tế huyện theo quy định được hưởng hệ số phụ cấp khu vực 0,5 nhưng nhà trường chi trả theo hệ số phụ cấp khu vực 0,7 (chênh lệch tăng 0,2)	
<b>II</b>	<b>PHẦN CÁC QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH</b>				<b>2.159.479</b>	<b>2.159.479</b>		
<b>a</b>	<b>Quỹ tiền điện sử dụng quạt phục vụ cho công tác bán trú</b>				<b>2.159.479</b>	<b>2.159.479</b>		
3	01		Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 4/2022		132.000	132.000	Mục đích quỹ dùng để chi trả tiền điện sử dụng quạt phục vụ cho công tác bán trú theo quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh nhưng nhà trường sử dụng quỹ để chi trả tiền dịch vụ internet, chi trả tiền điện trong kỳ nghỉ hè là chưa đúng mục nhiệm vụ chi.	
4	03		Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 5/2022		151.066	151.066		
5	04		Chi trả tiền điện tháng 6/2022		694.303	694.303		
6	05		Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 6/2022		132.000	132.000		
7	06		Chi trả tiền điện tháng 7/2022		336.631	336.631		
8	07		Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 7/2022		132.000	132.000		
9	08		Chi trả tiền điện tháng 8/2022		449.479	449.479		

10	01		Chi trả tiền cước dịch vụ Internet tháng 8/2022		132.000	132.000	
<b>B</b>	<b>Trường Mầm non Vàng Anh</b>				<b>7.461.124</b>	<b>5.661.124</b>	
<b>I</b>	<b>PHẦN NGÂN SÁCH</b>				<b>4.800.000</b>	<b>3.000.000</b>	
<b>a</b>	<b>Ngân sách năm 2023</b>				<b>4.800.000</b>	<b>3.000.000</b>	
1	147		Mua bánh kẹo tọa đàm ngày 20/11/2023	Nguyễn Thụy Phương Thanh Nguyễn Thị Hoa	4.800.000	3.000.000	Chúng tôi không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng hàng hóa, không có kế hoạch tổ chức hội nghị, không có biên bản họp, định mức tiền nước hội nghị cao hơn quy định: 45 suất x 40.000 đồng = 1.800.000 đồng. Chênh lệch cao hơn 3.000.000 đồng
<b>II</b>	<b>PHẦN QUỸ NGOÀI NGÂN SÁCH</b>				<b>2.661.124</b>	<b>2.661.124</b>	
<b>a</b>	<b>Quỹ tiền điện sử dụng quạt phục vụ cho công tác bán trú</b>				<b>1.423.604</b>	<b>1.423.604</b>	
2	36	20/06/2023	Chi trả tiền điện thắp sáng tháng 06		1.423.604	1.423.604	Mục đích quỹ dùng để chi trả tiền điện sử dụng quạt phục vụ cho công tác bán trú theo quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh nhưng nhà trường sử dụng quỹ để chi trả tiền điện trong kỳ nghỉ hè là chưa đúng nhiệm vụ chi
<b>b</b>	<b>Quỹ tài trợ, đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh</b>				<b>1.237.520</b>	<b>1.237.520</b>	
3	09	03/6/2022	Chi tiền mua hoa giấy tặng quà lưu niệm cho các trường tiểu học các cháu đã tham quan năm học	Vi Thị Duân (người đề nghị thanh toán)	1.237.520	1.237.520	- Nội dung chi không đúng mục đích sử dụng, đối tượng thụ hưởng theo kế hoạch vận động tài trợ, đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh (Kế hoạch số 02/KH-VA ngày 15/02/2022); - Không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng.
<b>C</b>	<b>Trường THCS Thị trấn Đắc Mâm</b>				<b>42.691.000</b>	<b>32.653.000</b>	
<b>I</b>	<b>PHẦN NGÂN SÁCH</b>				<b>42.691.000</b>	<b>32.653.000</b>	
<b>a</b>	<b>Ngân sách năm 2022</b>				<b>3.190.000</b>	<b>3.190.000</b>	
1	136	19/12/2022	Chuyển trả tiền mua hộp mực máy in, nạp mực máy in, hộp mực máy photocopy và thay thể linh kiện theo hóa đơn số 95 ngày 8/12/2022	Lê Thị Hà (người đề nghị thanh toán)	3.190.000	3.190.000	- Không có giấy báo hỏng, không có biên bản kiểm tra kỹ thuật, không có báo giá của ít nhất 03 đơn vị cung ứng
<b>b</b>	<b>Phụ cấp ưu đãi nghề</b>				<b>39.501.000</b>	<b>29.463.000</b>	

2		Chi trả phụ cấp ưu đãi nghề đối với giáo viên tin học giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2023	Trương Công Vĩnh	39.501.000	29.463.000	Ông Trương Công Vĩnh - Giáo viên tin học tại trường THCS Thị trấn Đắk Mâm được UBND huyện ban hành quyết định biệt phái đến Văn phòng HĐND&UBND huyện công tác, không trực tiếp giảng dạy, vị trí công tác không được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập nhưng nhà trường vẫn chi trả chế độ hưởng phụ cấp ưu đãi nghề
		<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>61.432.403</b>	<b>48.417.603</b>	

TỔNG HỢP CÁC VĂN BẢN CÔNG KHAI, MINH BẠCH TRONG VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NĂM  
2022 - 2023 CỦA CÁC TRƯỜNG HỌC

(Kèm theo Kết luận số /KL-TTr ngày /8/2024 của Thanh tra huyện Krông Nô)

TT	Tên văn bản	Ký hiệu, ngày tháng năm văn bản	Trích yếu nội dung văn bản	Ghi chú
<b>I Trường Mầm non Hoa Mai</b>				
1	Quyết định	01/QĐ-MNHM ngày 04/01/2022	Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước giao đầu năm 2022	
2	Quyết định	19/QĐ-MNHM ngày 26/4/2022	Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2021	
3	Quyết định	26/QĐ-MNHM ngày 6/6 /2022	Về việc công bố công khai bổ sung, điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2022	
4	Quyết định	54/QĐ-MNHM ngày 31/10 /2022	Về việc công bố công khai điều chỉnh và bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2022	
5	Quyết định	01/QĐ-MNHM ngày 03/01/2023	Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước giao đầu năm 2023	
6	Quyết định	11/QĐ-MNHM ngày 06/04/2023	Về việc công bố thu hồi, điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2023	
7	Quyết định	14/QĐ-MNHM ngày 25/04/2023	Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022	
8	Quyết định	20a/QĐ-MNHM ngày 31/08/2023	Về việc công bố công khai bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND học kỳ II năm học 2022-2023	
9	Quyết định	23/QĐ-MNHM ngày 27/09/2023	Về việc công bố công khai bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 (đợt 1);	
10	Quyết định	34/QĐ-MNHM ngày 14/11/2023	Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung kinh phí năm 2023	
<b>II Trường Mầm non Vàng Anh</b>				
11	Quyết định	02/QĐ-MNVA ngày 18/01/2022	Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022	
12	Quyết định	6a/QĐ-MNVA ngày 25/04/2022	Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021	

13	Quyết định	13/QĐ-MNVA ngày 10/06/2022	Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022	
14	Quyết định	67/QĐ-MNVA ngày 22/11/2022	Về việc công bố công khai điều chỉnh và bổ sung kinh phí nhiệm vụ phát sinh năm 2022.	
15	Quyết định	02/QĐ-MNVA ngày 10/01/2023	Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023	
16	Quyết định	12b/QĐ-MNVA ngày 21/04/2023	Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022	
17	Quyết định	13a/QĐ-MNVA ngày 6/04/2023	Về việc công bố công khai thu hồi, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2023	
18	Quyết định	78/QĐ-MNVA ngày 31/10/2023	Về việc công bố công khai điều chỉnh và bổ sung kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh năm 2023	
19	Quyết định	80b/QĐ-MNVA ngày 13/11/2023	Quyết định số 80b/QĐ-MNVA ngày 13/11/2023 của trường Mầm non Vàng Anh Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023	
20	Quyết định	11a/QĐ-MNVA ngày 31/01/2024	Về việc công bố công khai thu hồi điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2023	
<b>III Trường THCS Thị trấn Đắk Mâm</b>				
21	Quyết định	01/QĐ-THCSĐM ngày 06/01/2022	Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2022	
22	Quyết định	17b/QĐ-THCSĐM ngày 31/10/2022	Về việc công bố, công khai điều chỉnh và bổ sung kinh phí các nhiệm vụ phát sinh năm 2022	
23	Quyết định	03/QĐ-THCSĐM ngày 08/6/2022	Về việc công bố, công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán năm 2022	
24	Quyết định	01/QĐ-THCSĐM ngày 06/01/2023	Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023	
25	Quyết định	27/QĐ-THCSĐM ngày 07/4/2023	về việc công bố công khai thu hồi, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2023	
26	Quyết định	09/QĐ-THCSĐM ngày 16/11/2023	Về việc công bố, công khai bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023	
27	Quyết định	77/QĐ-THCSĐM ngày 26/9/2023	Về việc công bố công khai bổ sung dự toán năm 2023	